

Số: 567/2021/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHÓA IX,
KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân
ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ
Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm
kỳ 2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ
thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân
dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra
số 12/BC-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của

Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử đại biểu Quốc hội tỉnh; Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; các tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; tổ bầu cử.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn

1. Chi tổ chức hội nghị: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

1. Ở cấp tỉnh: Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- a) Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Ở cấp huyện: Chi cho các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, các tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện:

- a) Chủ trì cuộc họp: 140.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 40.000 đồng/người/buổi.

3. Ở cấp xã: Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, các tổ bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã:

- a) Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Các đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

Điều 4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

1. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và các tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đồng/người/buổi.

2. Riêng đối với các cuộc kiểm tra, giám sát cấp huyện và cấp xã thực hiện theo mức khoán như sau:

a) Mức khoán cấp huyện: 20.000.000 đồng/huyện, thành phố.

b) Mức khoán cấp xã: 5.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

3. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử: ở cấp tỉnh 800.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 350.000 đồng/báo cáo; cấp xã 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi công tác chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: Cấp tỉnh 200.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 150.000 đồng/báo cáo; cấp xã 100.000 đồng/báo cáo.

Điều 5. Chi xây dựng văn bản

1. Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chi xây dựng các văn bản ngoài quy định tại Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến công tác bầu cử, do Ủy ban bầu cử các cấp ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết)

Xây dựng văn bản: ở cấp tỉnh 500.000 đồng/văn bản; cấp huyện 300.000 đồng/văn bản; cấp xã 150.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao

gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng báo cáo tổng kết: ở cấp tỉnh 1.500.000 đồng/văn bản; cấp huyện 1.000.000 đồng/văn bản; cấp xã 500.000 đồng/văn bản.

Điều 6. Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

1. Chi bồi dưỡng cho những người tham gia thường xuyên phục vụ cho công tác bầu cử theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

a) Ở cấp tỉnh

- Trưởng ban, phó Ban Chỉ đạo, Thư ký Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó các tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Quốc hội tỉnh; Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy viên của Ban chỉ đạo; Ủy viên của Ủy ban bầu cử; thành viên các tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy viên Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 1.800.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thành viên các tiểu ban của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thành viên của tổ giúp việc do Ủy ban bầu cử thành lập: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Ở cấp huyện

- Trưởng ban, Phó Trưởng Ban, Thư ký Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; Trưởng, phó các tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: 1.600.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên của Ủy ban bầu cử; Ủy viên Ban Chỉ đạo bầu cử; thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; thành viên của tổ giúp việc do Ủy ban bầu cử thành lập: 1.400.000 đồng/người/tháng.

c) Ở cấp xã

- Chủ tịch, các phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo, Thư ký Ban chỉ đạo; trưởng, phó các tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.200.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên của Ủy ban bầu cử; Ủy viên Ban Chỉ đạo bầu cử; thành viên của các tiểu ban: 800.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian ban hành Quyết định về việc thành lập Ủy ban bầu cử từng cấp có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử của từng cấp kết thúc nhiệm vụ.

2. Chi bồi dưỡng cho các thành viên ở các tổ bầu cử theo hình thức khoán 6.500.000 đồng/tổ bầu cử.

3. Chi bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ cho công tác bầu cử, thời gian chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử). Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

1. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử: Trưởng, phó, Thư ký Ban Chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử các cấp; Trưởng, phó, Thư ký Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Trưởng, phó các tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp; Thường trực của ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp: 300.000 đồng/người/tháng.

2. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm quyết định về việc thành lập Ủy ban bầu cử các cấp có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ.

Điều 8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

1. Người được giao trực tiếp công dân: cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi;

2. Người phục vụ việc tiếp công dân ở các cấp: 40.000 đồng/người/buổi (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

Điều 9. Chi các nội dung chi khác phục vụ công tác bầu cử

1. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

2. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

3. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

4. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu

tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chi in ấn, vận chuyển (phiếu bầu, thẻ cử tri, các tài liệu, biểu mẫu, ấn chỉ, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử,...) có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bầu cử.

6. Chi văn phòng phẩm và trang trí phòng bỏ phiếu tại tổ bầu cử 500.000đồng/phòng.

7. Chi công tác tuyên truyền 4.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

8. Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú, tiếp xúc cử tri thực hiện theo mức khoán 500.000 đồng/cuộc.

9. Chi cho lực lượng tham gia viết thẻ cử tri theo hình thức khoán 500 đồng/thẻ.

10. Các nội dung chi khác không quy định cụ thể nêu trên thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khoá IX, Kỳ họp thứ Hai mươi bảy thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng Công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh